

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-3-2021  
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,  
nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Minh Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Phước Tâm.  
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 608/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thanh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 1170, quốc lộ 30, tổ 4, khóm 1, phường 11, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh Điền, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 6, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm chị Đỗ Thanh T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, quen biết chị T và anh Điền tổ chức đám cưới, chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chung sống hạnh

phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Điền không chăm sóc vợ con.

Đến cuối năm 2017, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh Điền thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo làm ăn, không có đóng góp phụ giúp gì trong gia đình. Do đó chị T đã về nhà cha mẹ ruột ở phường 11, thành phố A để sinh sống từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh Điền.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Tuấn Kiệt, sinh ngày 08/10/2014 và Trần Thị Thúy Kiều, sinh ngày 01/8/2017. Hiện nay con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Điền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Trần Thanh Điền đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

+ Trích lục khai sinh (bản sao).

+ Giấy CMND Đỗ Thanh T và SHK (photo).

+ Đơn xác nhận nơi cư trú của Đỗ Thanh T (bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đỗ Thanh T có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Trần Thanh Điền. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”*.

Anh Trần Thanh Điền là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp 6, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Trần Thanh Điền đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt anh Điền là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Điền tìm hiểu, quen biết nhau, tổ chức đám cưới, chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa chị T và anh Điền là hợp pháp. Chị T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Điền không chăm sóc vợ con.

Đến cuối năm 2017, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh Điền thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo làm ăn, không có đóng góp phụ giúp gì trong gia đình. Do đó chị T đã về nhà cha mẹ ruột ở phường 11, thành phố A để sinh sống từ cuối năm 2017 cho đến nay. Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Trần Thanh Điền tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh Điền vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Xét thấy giữa chị T và Điền không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Điền là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh Điền đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Tuấn Kiệt, sinh ngày 08/10/2014 và Trần Thị Thúy Kiều, sinh ngày 01/8/2017. Hiện nay con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Điền cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho chị T hay cho anh Điền nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Điền cấp dưỡng nuôi con. Anh Điền vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Xét thấy từ khi chị T, anh Điền xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị T là người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, lo cho con chung đi học đầy đủ. Do đó để con chung tên Trần Tuấn Kiệt, sinh ngày 08/10/2014 và Trần Thị Thúy Kiều, sinh ngày 01/8/2017 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Điền cấp dưỡng nuôi hai con chung nên anh Điền không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Điền có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; anh Điền không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh Điền không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*\* Về án phí:*

Chị Đỗ Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thanh T:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thanh T được ly hôn với anh Trần Thanh Điền.

- Về con chung: Chị Đỗ Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Tuấn Kiệt, sinh ngày 08/10/2014 và Trần Thị Thúy Kiều, sinh ngày 01/8/2017. Anh Điền không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh Điền có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; anh Điền không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh Điền không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011930 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí chị T đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lưu Minh Tú**